

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

LÊ THANH HƯNG

**CHỨC NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ
CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
(Trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Nông)**

*Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 40*

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS NGUYỄN NGỌC CHÍ

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các chữ viết tắt

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHỨC NĂNG

CÔNG TỐ CỦA VIỆN KIỂM SÁT..... 7

1.1. Khái niệm quyền công tố và thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự..... 7

1.1.1. Khái niệm quyền công tố..... 7

1.1.2. Khái niệm thực hành quyền công tố..... 11

1.2. Phạm vi và nội dung thực hành quyền công tố 14

1.2.1. Phạm vi thực hành quyền công tố 14

1.2.2. Nội dung thực hành quyền công tố..... 19

1.3. Chức năng công tố trong một số mô hình tố tụng hình sự tiêu biểu trên thế giới..... 27

1.3.1. Thực hành quyền công tố trong mô hình tố tụng tranh tụng..... 28

1.3.2. Thực hành quyền công tố trong mô hình tố tụng thẩm vấn 32

1.3.3. Mô hình tố tụng hình sự Việt Nam..... 33

Chương 2: CHỨC NĂNG CÔNG TỐ TRONG PHÁP LUẬT

TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM 35

2.1. Chức năng công tố theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến trước 2003 35

2.1.1. Chức năng Thực hành quyền công tố theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ 1945 đến trước năm 1960 35

2.1.2.	Chức năng thực hành quyền công tố theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ 1960 đến trước năm 2003	36
2.2.	Chức năng thực hành quyền công tố theo qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003	38
2.2.1.	Nội dung thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.....	38
2.2.2.	Nội dung Thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự.....	50
Chương 3: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CÔNG TỐ Ở VIỆT NAM VÀ CÁC GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ.....		70
3.1.	Thực tiễn thực hành quyền công tố ở địa bàn tỉnh Đắk Nông	70
3.1.1.	Một số đặc điểm tình hình kinh tế - Xã hội và tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông.....	70
3.1.2.	Thực trạng thực hiện quyền công tố ở Đắk Nông.....	72
3.2.	Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động công tố ở Việt Nam	78
3.2.1.	Hoàn thiện các quy định của pháp luật.....	78
3.2.2.	Đổi mới nội dung và phương pháp thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự.....	82
3.2.3.	Giải pháp về công tác cán bộ của Viện kiểm sát.....	85
3.2.4.	Tăng cường cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện, kỹ thuật cho CQĐT, VKS trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hình sự.....	87
KẾT LUẬN		88
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....		90

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã chỉ rõ: “*Viện kiểm sát nhân dân tập trung làm tốt chức năng công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp*”. Yêu cầu trên đã được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi năm 2001) và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002, BLTTHS năm 2003 và được tiếp tục khẳng định ở Hiến pháp 2013 và luật tổ chức Viện kiểm sát năm 2014. Vì vậy, cải cách tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động công tố và kiểm sát tuân theo pháp luật trong TTHS của Viện kiểm sát là một đòi hỏi cấp bách của Đảng, Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Thực hiện Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị “*Về một số nhiệm vụ trong tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*”; Nghị quyết số 48/NQ-TW “*Về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*”, trong đó có nội dung: “*Hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát theo hướng bảo đảm thực hiện tốt chức năng công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Nghiên cứu hướng tới chuyển thành Viện công tố*” và Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 “*Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*” BLTTHS 2003 đã có những quy định thể hiện tinh thần đó.

BLTTHS 2003 đã qui định khá cụ thể quyền hạn, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc thực hiện chức năng thực hành quyền công tố trong TTHS và đã đạt được những thành công. Tuy nhiên, thực tiễn thực hành quyền công tố của VKS còn cho thấy có nhiều hạn chế trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án. Vì vậy, để góp phần bảo đảm Viện kiểm sát thực hiện tốt chức năng công tố, việc tiếp tục nghiên cứu, làm rõ cả về mặt lý luận và thực tiễn quyền công tố trong tố tụng hình sự là vấn đề cần thiết hiện nay nên em đã lựa chọn đề tài “*CHỨC NĂNG THỰC HÀNH*

QUYỀN CÔNG TỐ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRÊN CƠ SỞ SỐ LIỆU THỰC TIỄN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG ” làm luận văn thạc sỹ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Vấn đề quyền công tố và thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự đã được một số sách, báo, công trình nghiên cứu đề cập. Một số tác giả đã có những nghiên cứu, bài viết về vấn đề này: Tiến sỹ khoa học Lê Cẩm có bài “*Những vấn đề lý luận về chế định quyền công tố*” (nhìn nhận từ góc độ nhà nước pháp quyền) (tạp chí chuyên ngành), Hà Nội, 2001; Lê Thị Tuyết Hoa: *Quyền công tố ở Việt Nam*, (Luận án tiến sỹ luật học), Hà Nội, 2002; Tiến sỹ Trần Văn Độ có bài “*Một số vấn đề về quyền công tố*”; một số bài viết của các tác giả khác trong tập kỷ yếu đề tài khoa học cấp Bộ “*Những vấn đề lý luận về quyền công tố và việc tổ chức thực hiện quyền công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*”, Hà Nội, 1999...

Một số luận văn thạc sỹ luật học đã được công bố tại Khoa luật – Đại học quốc gia Hà Nội: “*Quyền công tố trong tố tụng hình sự tranh tụng và việc vận dụng vào điều kiện Việt Nam*” của tác giả Lý Văn Chính (năm 2004); “*Quan hệ giữa CQĐT và Viện kiểm sát trong khởi tố, điều tra vụ án hình sự theo BLTTHS năm 2003*” của tác giả Lang Văn Bảo (năm 2005); “*Tranh tụng tại phiên tòa một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” của tác giả Nguyễn Mạnh Tiến (năm 2005); “*Phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân đối với các quyết định của CQĐT trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*” của tác giả Đào Thị Diệp (năm 2008).

Những luận văn, đề tài, công trình nghiên cứu trên về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nói chung, đồng thời đề cập đến các vấn đề liên quan đến quyền công tố. Từ khi BLTTHS 2003 có hiệu lực đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập toàn diện, đầy đủ về chức năng công tố của Viện kiểm sát; ngoài ra việc thực hiện các quy định về chức năng

công tố có những nơi, địa bàn còn có nhận thức, áp dụng chưa thống nhất. Chính vì vậy việc tiếp tục nghiên cứu về chức năng công tố của Viện kiểm sát là vấn đề có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn. Mặt khác, nghiên cứu quyền công tố dựa trên các số liệu của tỉnh Đắk Nông đến nay vẫn chưa có nên việc nghiên cứu gắn liền với đại bản một tỉnh trên đại bản Tây nguyên là hết sức cần thiết.

3. Mục đích, nhiệm vụ của đề tài

** Mục đích của đề tài:*

Trên cơ sở nghiên cứu chức năng để làm rõ vai trò của Viện kiểm sát trong thực hiện chức năng công tố cả về mặt lý luận và thực tiễn. Từ đó làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về chức năng công tố, đồng thời xác định thực trạng thực hành quyền công tố ở Đắk Nông cũng như tìm nguyên nhân của những hạn chế, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động công tố đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.

** Nhiệm vụ của đề tài*

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về quyền công tố trong tố tụng hình sự.

- Nghiên cứu việc thực hiện chức năng công tố trong một số mô hình tố tụng hình sự tiêu biểu trên thế giới.

- Nghiên cứu về chức năng công tố theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

- Nghiên cứu thực trạng thực hành quyền công tố ở đại bản tỉnh Đắk Nông trong những năm gần đây, tìm ra những nguyên nhân của những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế. Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp kiến nghị nâng cao hiệu quả thực hành quyền công tố trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Trong khuôn khổ chuyên ngành luật hình sự, luận văn tập trung

nghiên cứu, phân tích một số vấn đề lý luận về quyền công tố và thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự, thực trạng thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự những năm gần đây ở Đắk Nông.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

- Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về cải cách tư pháp, cũng như thành tựu của các chuyên ngành khoa học pháp lý khác có liên quan.

- Luận văn sử dụng một số phương pháp tiếp cận cụ thể để làm sáng tỏ về mặt khoa học từng vấn đề tương ứng, đó là các phương pháp nghiên cứu như: lịch sử, so sánh, phân tích, tổng hợp, thống kê; nghiên cứu hồ sơ vụ án, báo cáo tổng kết, báo cáo chuyên đề của Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Ngoài ra, tác giả cũng tiếp thu có chọn lọc kết quả của của các công trình đã công bố; các đánh giá, tổng kết của cơ quan chuyên môn và các chuyên gia về những vấn đề có liên quan đến tổ chức và hoạt động của VKSND.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Về mặt lý luận: Kết quả luận văn có ý nghĩa nhất định về mặt khoa học góp phần xây dựng một cái nhìn toàn diện về chức năng công tố của VKS, đồng thời thấy được trách nhiệm cũng như vai trò của VKS trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay.

Về thực tiễn: Luận văn sẽ là tài liệu có giá trị, có thể dùng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu, học tập trong các cơ sở đào tạo, trong hoạt động nghiệp vụ của Kiểm sát viên và lãnh đạo VKS. Những đề xuất, kiến nghị của luận văn sẽ cung cấp các luận cứ khoa học, làm cơ sở cho việc sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về tổ chức, hoạt động trong cơ quan VKS.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương, các đề mục với cơ cấu như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về chức năng công tố của Viện kiểm sát.

Chương 2: Chức năng công tố trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 3: Thực trạng hoạt động công tố ở Việt Nam và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHỨC NĂNG CÔNG TỐ CỦA VIỆN KIỂM SÁT

1.1. Khái niệm quyền công tố và thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự

1.1.1. Khái niệm quyền công tố

Cho đến nay, trong các nghiên cứu có nhiều quan điểm về quyền công tố, quan điểm cho rằng, quyền công tố gắn liền với sự phát triển của khoa học pháp lý, khi mà các khái niệm dân chủ và quyền con người được đề cao, đòi hỏi cần phải có một cơ quan thay mặt nhà nước đứng ra bảo vệ quyền bị xét xử bởi các cơ quan tư pháp. Quan điểm thứ hai, coi công tố là một quyền độc lập, chỉ có trong xã hội dân chủ, nhằm bảo vệ quyền của các chủ thể quan hệ pháp luật khi tham gia quá trình tố tụng tại phiên tòa và thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật (có thể nằm trong cơ cấu của Tối cao pháp viện). Quan điểm thứ ba cho rằng, với việc tách các cơ quan Tòa án ra khỏi hệ thống các cơ quan hành pháp, cùng với sự phát triển của hệ thống pháp luật thì công tố mới xuất hiện.

Không đồng ý với các quan điểm nêu trên, quan điểm cho rằng,

quyền công tố là một khái niệm pháp lý, gắn liền với bản chất của nhà nước và xuất hiện cùng với sự ra đời của nhà nước và pháp luật. Quyền công tố tồn tại trong tất cả các kiểu nhà nước, từ nhà nước chủ nô đến các nhà nước đại diện.

Từ những phân tích trên, chúng tôi chia sẻ quan điểm cho rằng: “quyền công tố là một khái niệm pháp lý gắn liền với bản chất của nhà nước. Nó xuất hiện cùng với sự ra đời của nhà nước và pháp luật, tồn tại khi có nhà nước và mất đi khi không còn nhà nước”. Đồng thời, đồng ý với quan điểm của TS. Lê Hữu Thế khi đưa ra định nghĩa về quyền công tố: *“Quyền công tố là quyền nhân danh nhà nước thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Quyền này thuộc về nhà nước, được nhà nước giao cho một cơ quan thực hiện (ở nước ta là Viện kiểm sát) để phát hiện tội phạm và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Để làm được điều này, cơ quan có chức năng thực hành quyền công tố phải có trách nhiệm bảo đảm việc thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để xác định tội phạm và người phạm tội. Trên cơ sở đó quyết định truy tố bị can ra trước Toà án và bảo vệ sự buộc tội đó trước phiên tòa”*.

1.1.2. Khái niệm thực hành quyền công tố

Khi nghiên cứu về thực hành quyền công tố, trong giới luật học hiện nay còn tồn tại hai xu hướng khác nhau: *Một là*, họ gắn việc thực hành quyền công tố với việc thực hiện những nhiệm vụ khác của những Công tố viên trong tố tụng hình sự. *Hai là*, họ chỉ nêu ra một số biện pháp pháp lý như: Lập cáo trạng và luận tội trước phiên tòa sơ thẩm hình sự và coi đó là thực hành quyền công tố, thậm chí có người còn cho rằng thực hành quyền công tố chỉ là sự buộc tội trước phiên tòa sơ thẩm.

Gần đây có một số công trình khoa học nghiên cứu về thực hành quyền công tố hoặc nghiên cứu về các vấn đề pháp lý khác trong đó có một số vấn đề liên quan đến thực hành quyền công tố mới chỉ dừng lại ở mức đưa ra được một số biện pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả công

tác kiểm sát như kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử hình sự, kiểm sát giam, giữ và cải tạo, kiểm sát thi hành án. Các công trình này vận dụng những nguyên lý của V.I Lênin về pháp chế xã hội chủ nghĩa và vai trò của VKS, về vai trò và bộ phận của ủy viên công tố làm cơ sở lý luận và lấy các quy định của Hiến pháp và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân từ năm 1960 đến nay làm cơ sở pháp lý. Bởi vậy trong nhận thức của không ít những người làm công tác nghiên cứu và thực tiễn trong cũng như ngoài ngành kiểm sát đã nhầm lẫn quyền công tố với thực hành quyền công tố trên nhiều phương diện như đối tượng, nội dung, phạm vi. Đồng thời các công trình này luôn gắn quyền công tố chỉ với VKS, coi đó là quyền của VKS. Do đó đã không lý giải được một số vấn đề là khi một số cơ quan khác (CQĐT, Tòa án...) sử dụng một số biện pháp như khởi tố vụ án, khởi tố bị can... thì có phải các cơ quan này cũng thực hành quyền công tố hay không.

Để thực hiện quyền lực nhà nước trên một lĩnh vực cụ thể thì nhà nước tổ chức ra một hệ thống cơ quan nhất định để thực hiện quyền lực đó. Hệ thống cơ quan này đóng vai trò chính trong sự phối hợp cùng với cơ quan nhà nước khác để thực hiện quyền lực nhà nước đã được xác định. Ở các nước, đa phần họ thành lập cơ quan công tố để thực hành quyền công tố với các quyền hạn, trách nhiệm tố tụng trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử của TTHS.

Ở Việt Nam, căn cứ vào các quy định của pháp luật hiện hành, VKS là cơ quan duy nhất được giao thực hành quyền công tố “*Không có cơ quan nhà nước nào có thể thay thế ngành kiểm sát để sử dụng quyền công tố; bắt, giam, tha, điều tra, truy tố, xét xử có đúng người, đúng tội, đúng pháp luật hay không, đó chính là Viện kiểm sát phải trông nom, bảo đảm cho tốt*”. Không cơ quan nào có thể thay Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, bởi lẽ: a. Viện kiểm sát là cơ quan duy nhất về mặt pháp lý có quyền độc lập phát động quyền công tố. b. VKS có quyền áp dụng, thay

đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, CQĐT chỉ có quyền đề nghị. c. Trong quá trình điều tra vụ án hình sự, VKS có trách nhiệm đảm bảo đủ các chứng cứ để truy tố bị can. d. Khi có đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội và xét cần thiết phải xử lý người phạm tội trước pháp luật VKS quyết định truy tố bị can ra Tòa. Tại phiên tòa, VKS có trách nhiệm bảo đảm việc truy tố, buộc tội bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Bản án kết tội của Tòa án chính là việc chấp nhận lời buộc tội của VKS đối với người phạm tội.

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự như sau:

Thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự là việc cơ quan công tố/ Viện kiểm sát sử dụng các biện pháp do pháp luật quy định để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, đưa người phạm tội ra xét xử trước Tòa án và bảo vệ sự buộc tội đó; đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều được xử lý kịp thời, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt người phạm tội và tội phạm, không làm oan người vô tội.

1.2. Phạm vi và nội dung thực hành quyền công tố

1.2.1. Phạm vi thực hành quyền công tố

Phạm vi thực hành quyền công tố là vấn đề gây nhiều bàn luận trong giới nghiên cứu vì vậy, khi xem xét cần phải phân biệt cụ thể, đầy đủ chính xác giữa phạm vi của quyền công tố với phạm vi thực hành quyền công tố....

Quyền công tố được thực hiện khi có tội phạm xảy ra và kết thúc khi bản án được tòa án tuyên có hiệu lực pháp luật, bao gồm các hoạt động làm rõ tội phạm, truy tố tội phạm và người phạm tội ra trước tòa án và bảo vệ cáo trạng của cơ quan công tố tại phiên tòa.

Từ những phân tích nêu trên, luận văn xác định phạm vi thực hành quyền công tố được là:

- Quyền công tố được giao cơ quan nhà nước nhất định, cơ quan đó có thể là cơ quan công tố hoặc Viện kiểm sát;

- Thực hành quyền công tố được khởi động từ khi cơ quan công tố/ Viện kiểm sát nhận được tin báo, tố giác về tội phạm và kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật do tòa án tuyên;

- Trong quá trình thực hành quyền công tố, cơ quan công tố/ Viện kiểm sát có quyền ra quyết định khởi tố vụ án, tiến hành các biện pháp điều tra làm rõ tội phạm, áp dụng các biện pháp cưỡng chế nhằm ngăn chặn tội phạm hoặc bảo đảm điều kiện cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, truy tố người phạm tội và bảo vệ cáo trạng trước tòa án.

1.2.2. Nội dung thực hành quyền công tố

Với phạm vi quyền công tố, như đã xác định ở phần trên thì nội dung của hoạt động thực hành quyền công tố được hiểu là việc sử dụng tất cả những quyền năng tố tụng nhằm đảm bảo phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội, không để lọt người, lọt tội, không làm oan người vô tội. Theo đó nội dung quyền công tố bao gồm:

1.2.2.1. Những hoạt động phát động quyền công tố: khởi tố vụ án, khởi tố bị can

Khi có tội phạm xảy ra, để có thể truy cứu TNHS đối với người phạm tội cần phải phát động quyền công tố đối với sự việc phạm tội và đối với người thực hiện tội phạm bằng các quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can của cơ quan công tố hoặc cơ quan khác theo qui định của pháp luật.

Khởi tố vụ án: là việc nhà nước chính thức công khai trước toàn xã hội có tội phạm xảy ra và bắt đầu triển khai các hoạt động thực hành quyền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đã thực hiện tội phạm đó.

Khởi tố bị can là việc Cơ quan công tố/ Viện kiểm sát chính thức tuyên bố về mặt pháp lý hành vi của một người nào đó có dấu hiệu của tội phạm và đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

1.2.2.2. Hoạt động điều tra làm rõ toàn bộ các tình tiết của vụ án

Là một giai đoạn của tố tụng hình sự, giai đoạn điều tra có nhiệm vụ quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, đó là xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ, đề nghị truy tố, tìm ra nguyên nhân, điều kiện phạm tội và yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa.

- Xác định tội phạm

- Xác định người thực hiện hành vi phạm tội

- Xác định nguyên nhân, điều kiện phạm tội, kiến nghị các cơ quan, tổ chức hữu quan thực hiện biện pháp phòng ngừa.

1.2.2.3. Những hoạt động thực hành quyền công tố của VKS trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự

Vai trò công tố trong xét xử rất quan trọng thể hiện ở những quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan thực hành công tố trong quá trình xét xử, đó là: Trình bày cáo trạng, quyết định của cơ quan công tố/ VKS liên quan đến việc giải quyết vụ án tại phiên tòa; thực hiện việc luận tội đối với bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm; tranh luận với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm; phát biểu quan điểm của VKS tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm.

1.3. Chức năng công tố trong một số mô hình tố tụng hình sự tiêu biểu trên thế giới

1.3.1. Thực hành quyền công tố trong mô hình tố tụng tranh tụng

Loại hình tổ chức và thực hành quyền công tố trong tố tụng tranh tụng ra đời trong các nền dân chủ tư sản. Tuy nhiên không phải tất cả các nhà nước tư sản đều chấp nhận loại hình này. Do những yếu tố đặc thù của truyền thống luật án lệ ở Anh và Mỹ, nơi đây là quê hương hình thành loại hình tổ chức và thực hành quyền công tố theo kiểu tố tụng tranh tụng. Ngày nay, khi nói đến tố tụng hình sự tranh tụng thì hệ thống tố tụng hình sự của Anh và Mỹ có thể được coi là điển hình.

1.3.1.1. Chức năng công tố trong tố tụng hình sự tranh tụng của Mỹ

Các cơ quan công tố của Mỹ được phân chia theo cấp bang và liên bang. Ở cấp bang, do pháp luật ở mỗi bang khác nhau nên nhiệm vụ, quyền hạn của Công tố viên ở từng bang cũng khác nhau.

1.3.1.2. Chức năng công tố trong tố tụng hình sự tranh tụng của Anh

Cảnh sát có nhiệm vụ chính trong hoạt động điều tra nhưng do kết quả hoạt động tố tụng phụ thuộc vào giá trị của chứng cứ có được chấp nhận tại Tòa hay không nên mọi hoạt động của cảnh sát phụ thuộc và gắn bó chặt chẽ với cơ quan công tố- cơ quan đảm nhận việc buộc tội trước tòa. Cảnh sát phải thực hiện theo yêu cầu của Công tố viên về yêu cầu điều tra nhưng họ có toàn quyền quyết định việc điều tra như thế nào.

Công tố viên phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với việc thẩm tra chứng cứ cũng như việc tiến hành tố tụng tại phiên tòa, tiến hành truy tố theo nhiệm vụ của Công tố viên. Tuy nhiên, họ lại không ảnh hưởng trực tiếp đến việc tuyên phạt của Tòa án và không có nghĩa vụ pháp lý là đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo mà đó là công việc của tòa.

1.3.2. Thực hành quyền công tố trong mô hình tố tụng thẩm vấn

Cộng hoà Pháp là một quốc gia điển hình cho các nước theo truyền thống pháp luật lục địa, tố tụng hình sự Pháp mang đặc trưng của mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn. Ở Pháp, Viện Công tố hoạt động theo nguyên tắc tùy nghi, Công tố viên có quyền quyết định truy tố hay không truy tố một tội phạm. Trong quá trình xét xử, Công tố viên có quyền tranh luận, phát biểu quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án, đề nghị mức án đối với bị cáo. Bên Công tố có thể tự mình đứng ra theo dõi việc thi hành án hoặc ủy quyền cho một cơ quan khác thực hiện nhiệm vụ này”.

1.3.3. Mô hình tố tụng hình sự Việt Nam

BLTTHS năm 2003 đã quy định rõ hơn vị trí, vai trò, chức năng của VKS theo hướng phân định rõ chức năng buộc tội của VKS với chức năng xét xử của Tòa án, xác định rõ công tố là chức năng cơ bản của VKS, thu hẹp phạm vi chức năng kiểm sát của VKS.

Chương 2

CHỨC NĂNG CÔNG TỐ TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

2.1. Chức năng công tố theo qui định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến trước 2003

2.1.1. Chức năng thực hành quyền công tố theo qui định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ 1945 đến trước năm 1960

Sau cách mạng tháng Tám thành công, trong Sắc lệnh số 7/SL ngày 15/01/1946 đã quy định cụ thể “*đứng buộc tội, tùy quyết nghị của Bộ trưởng Bộ tư pháp sẽ là nhân viên của Công tố viện do Chương lý Tòa án thượng thẩm chỉ định*”. Ở Tòa thượng thẩm có Công tố viên do Chương lý đứng đầu và các cán bộ làm công tác công tố chuyên trách với các chứng danh như Biện lý, Phó biện lý... họ được quyền làm các nhiệm vụ tư pháp cảnh sát, thực hiện việc buộc tội trước Tòa, thực hiện giám sát công tác điều tra của Tư pháp cảnh sát và “*có quyền yêu cầu Tòa án thi hành mọi phương sách cần thiết để làm rõ sự thật*”.

Từ năm 1958 cơ quan Công tố không thuộc sự quản lý của Bộ tư pháp. Viện công tố có nhiệm vụ “*giám sát việc tuân thủ và chấp hành pháp luật của Nhà nước, truy tố theo pháp luật hình sự những kẻ phạm pháp để bảo vệ pháp chế dân chủ nhân dân, giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ tài sản của công, bảo vệ quyền và lợi ích của nhân dân*”.

2.1.2. Chức năng thực hành quyền công tố theo qui định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ 1960 đến trước năm 2003

Trên cơ sở Hiến pháp năm 1959 và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1960, hệ thống Viện kiểm sát nhân dân được thành lập với chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật và thực hành quyền công tố.

Theo Hiến pháp năm 1992 và Luật tổ chức kiểm sát nhân dân năm 1992 thì “Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân

theo pháp luật, thực hành quyền công tố theo quy định của Hiến pháp và pháp luật” (điều 1 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1992).

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 vẫn khẳng định: “*Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên chức năng như hiện nay là thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp*”. Trên cơ sở đó, Hiến pháp 2013 qui định chức năng thực hành quyền công tố từ trước đến nay vẫn luôn được giao cho VKS thực hiện.

2.2. Chức năng thực hành quyền công tố theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

Theo qui định của BLTTHS 2003, thì nội dung thực hành quyền công tố bao gồm:

2.2.1. Nội dung thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

- Khởi tố vụ án hình sự:

Theo quy định của BLTTHS từ điều 100 đến 109 thì:

Thứ nhất, CQĐT có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ mọi tố giác, tin báo về tội phạm

Thứ hai, quyết định khởi tố vụ án hình sự dựa trên căn cứ pháp luật

Thứ ba, phần lớn các vụ án hình sự được khởi tố bởi CQĐT. VKS chủ yếu thực hiện nhiệm vụ kiểm sát việc khởi tố

- Trong việc khởi tố bị can:

Theo quy định của BLTTHS 2003, trong việc khởi tố bị can, quyền hạn, trách nhiệm của VKS thể hiện:

- Phê chuẩn quyết định khởi tố bị can hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố bị can của của CQĐT, của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực Lượng Cảnh sát biển

- Viện kiểm sát phê chuẩn quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can hoặc hủy bỏ quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can của CQĐT.

- Viện kiểm sát có thẩm quyền trực tiếp ra quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can: Sau khi nhận hồ sơ và kết luận điều tra mà VKS phát hiện có người khác đã thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án chưa bị khởi tố thì VKS ra quyết định khởi tố bị can và gửi quyết định khởi tố bị can cho CQĐT để tiến hành điều tra bổ sung.

Trong quá trình điều tra vụ án hình sự: ra quyết định khởi tố bị can, hoặc ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can.

- Trong việc quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong hoạt động điều tra, truy tố:

- Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra:

- Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra khi xét thấy cần thiết

- Yêu cầu Thủ trưởng CQĐT thay đổi Điều tra viên...

- Hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT:

- Yêu cầu CQĐT truy nã bị can:

- Quyết định truy tố bị can, quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án:

2.2.2. Nội dung Thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự

2.2.2.1. Giai đoạn chuẩn bị xét xử

Nội dung thể hiện rõ nét nhất chức năng thực hành quyền công tố của VKS trong giai đoạn này là xem xét tính có căn cứ của VKS trong quyết định truy tố đã ban hành, giải quyết việc rút toàn bộ hay rút một phần quyết định truy tố và xem xét việc Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

2.2.2.2. Tại phiên tòa sơ thẩm

Khi thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự, Kiểm sát viên có nhiệm vụ bảo vệ cáo trạng và quan điểm truy tố của VKS. VKS khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, trên cơ sở kết quả kiểm sát điều tra, sau khi nghiên cứu đánh giá một cách toàn diện, khách quan, đầy đủ hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra, nếu thấy có

đủ cơ sở và cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự VKS quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án để xét xử.

- Tham gia xét hỏi bị cáo tại phiên tòa của Kiểm sát viên:
- Luận tội đối với bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm
- Tranh luận với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:
- Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm

Chương 3

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CÔNG TỐ VÀ CÁC GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ

3.1. Thực tiễn thực hành quyền công tố ở địa bàn tỉnh Đắk Nông

3.1.1. Một số đặc điểm tình hình kinh tế - Xã hội và tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông

3.1.1.1. Một số đặc điểm kinh tế- xã hội

Tỉnh Đắk Nông được thành lập, có 8 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 7 huyện và một Thị xã. Nhìn chung, sự tăng trưởng kinh tế những năm qua của tỉnh Đắk Nông từng bước đời sống nhân dân được cải thiện, diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới. Mặc dù vậy, đời sống nhân dân cũng còn gặp không ít khó khăn vì sản phẩm cây công nghiệp làm ra chưa có đầu ra ổn định, giá cả bấp bênh phụ thuộc vào thị trường thế giới. Tình hình trật tự an toàn xã hội cũng có những diễn biến phức tạp, có những lúc gây mất ổn định xã hội đòi hỏi sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị trong đó có vai trò Viện kiểm sát thì mới đưa tỉnh Đắk Nông phát triển nhanh được.

3.1.1.2. Tổ chức bộ máy Viện kiểm sát tỉnh Đắk Nông

a) Cơ cấu, tổ chức

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông được thành lập theo QĐ Số

14/ QĐ-VKSTC ngày 15/01/2004 của Viện trưởng VKSND Tối cao. Đến nay ngành Kiểm sát Đắk Nông đã có 10 phòng nghiệp vụ trực thuộc tỉnh và 08 huyện, thị xã với tổng biên chế 162 biên chế (trong đó Viện kiểm sát tỉnh có 50 biên chế chính thức và 12 hợp đồng theo ND68/CP).

Cơ cấu tổ chức của ngành kiểm sát nói chung và Viện KSND tỉnh Đắk Nông nói riêng được quy định Theo quy định tại điều 107 Hiến pháp năm 2013, cụ thể chức năng chính là Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân gồm Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và các Viện kiểm sát khác do luật định.

Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ Xã hội Chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Các chức năng nói trên của Viện KSND được quy định cụ thể tại điều 3 và điều 4 Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014.

Trải qua chặng đường hình thành và phát triển, Ngành Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông nói chung đã có những bước tiến vượt bậc, kiện toàn về cơ cấu tổ chức, nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo điều hành, hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ và Kế hoạch công tác các năm, góp phần bảo vệ pháp chế, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân, bảo đảm mọi hành vi xâm phạm lợi ích của nhà nước, của tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân đều phải được xử lý theo pháp luật.

b) Nhân sự

Tính từ năm 2004 đến nay, biên chế nhân sự của ngành Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã được tăng cường đáng kể, đã góp phần kiện toàn về đội ngũ cán bộ, công chức nhằm thực hiện có hiệu quả chức năng nhiệm vụ của mình. Cụ thể từ năm 2009 đến năm 2013 biên chế gồm cả

cấp tỉnh và cấp huyện, Thị xã đều được bổ sung. Cấp tỉnh là 52 biên chế, trong đó năm 2009 là 41 biên chế; năm 2010 là 46 biên chế, năm 2011 và 2012 là 49 biên chế và năm 2013 là 52 biên chế. Trong khi đó cấp huyện là 97 biên chế, trong đó năm 2009 và 2010 là 68 biên chế, năm 2011 là 73 biên chế, năm 2012 là 85 biên chế và năm 2013 là 97 biên chế. Về cơ cấu lãnh đạo, đến năm 2013 Viện KSND tỉnh Đắk Nông có 01 đồng chí Viện trưởng, 03 đồng chí Phó Viện trưởng; số lượng Kiểm sát viên trung cấp là 26, trong đó ở cấp tỉnh là 18, ở cấp huyện, thị xã là 08; Kiểm sát viên sơ cấp là 42, trong đó ở cấp tỉnh là 08, ở cấp huyện là 34 (trong đó số lượng Kiểm sát viên trung cấp, sơ cấp là nữ ở cấp tỉnh là 07, ở cấp huyện là 08, chiếm 22% trong tổng số kiểm sát viên); số lượng kiểm tra viên là 11, trong đó ở cấp tỉnh là 07, ở cấp huyện là 04 và số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định 68/NĐ-CP là 32, trong đó cấp tỉnh là 08 biên chế, cấp huyện là 24 biên chế.

Hiện nay đội ngũ cán bộ, công chức ngành Kiểm sát tỉnh Đắk Nông đa số được đào tạo đầy đủ về năng lực nghiệp vụ, chất lượng cán bộ ngày càng được nâng cao, đủ sức đáp ứng với công việc chuyên môn và hoàn thành tất cả các nhiệm vụ được phân công.

3.1.2. Thực trạng thực hiện quyền công tố ở Đắk Nông

3.1.2.1. Tình hình thụ lý các vụ án hình sự của VKSND tỉnh Đắk Nông

Hàng năm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông (bao gồm VKSND tỉnh và các VKSND huyện, thị) đã thụ lý hàng trăm vụ án và bị can, thực hành quyền công tố truy tố người phạm tội ra trước tòa án.

3.1.2.2. Thực trạng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra

a. Trong việc giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố:

Từ khi BLTTHS năm 2003 có hiệu lực thi hành, tình trạng vi phạm thời hạn giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố còn diễn ra ở nhiều địa phương trên cả nước, có nơi VKS sau khi tiến hành trực tiếp kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm đối với CQĐT đã ra

văn bản yêu cầu CQĐT khắc phục vi phạm, nhưng việc chấp hành của CQĐT vẫn chưa được triệt để.

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm, các năm 2009, 2010, 2011, 2012, 2013 của VKSND tỉnh Đắk Nông)

b. Trong việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự

Tuy nhiên, tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm vẫn có những diễn biến phức tạp; tính chất tội phạm ngày càng nghiêm trọng; đối tượng tội phạm đa dạng; tội phạm có tổ chức, tội phạm có yếu tố nước ngoài, tội phạm do người nước ngoài thực hiện... xảy ra với nhiều hình thức thủ đoạn phạm tội mới, liên quan đến nhiều lĩnh vực nhạy cảm của nền kinh tế, chính trị.

c. Thực hành quyền công tố trong việc phê chuẩn khởi tố bị can, phê chuẩn việc bắt, tạm giữ, tạm giam

Nhìn chung, các quyết định và yêu cầu của VKS đều có căn cứ, đúng pháp luật nên đã được CQĐT thực hiện, tuy nhiên, “*Chất lượng hiệu quả công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp về hình sự ở một số địa phương chưa cao... vẫn còn tình trạng bỏ lọt tội phạm, làm oan người không có tội.*” Việc khởi tố và bắt, giam giữ sai của CQĐT mà VKS sát không phát hiện kịp thời dẫn đến nhiều vụ cơ quan điều tra phải trả tự do cho người bị tạm giữ, tạm giam hoặc đình chỉ điều tra bị can, đình chỉ vụ án vì bị can không phạm tội.

3.1.2.3. Thực trạng thực hiện quyền công tố trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự

Bên cạnh những mặt tích cực nêu trên, vẫn còn nhiều tồn tại trong việc thực hiện quyền công tố trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự.

3.2. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động công tố ở việt nam

3.2.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật

Hoàn thiện những vấn đề sau của BLTTHS 2003:

Thứ nhất, triển khai mô hình tố tụng được xác định trong Hiến pháp 2013

Thứ hai, bổ sung một số nguyên tắc cơ bản của BLTTHS

- Nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử

- Nguyên tắc suy đoán vô tội

- Nguyên tắc có lợi cho bị can, bị cáo

Thứ ba, sửa đổi BLTTHS theo hướng “tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra”

Thứ tư, hoàn thiện các chế định chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự.

Thứ năm, đổi mới việc thực hành quyền công tố tại các phiên tòa xét xử

Thứ sáu, hoàn thiện BLTTHS theo hướng phân biệt nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức hành chính về tố tụng của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát; tăng quyền hạn cho Kiểm sát viên trong thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp.

3.2.2. Đổi mới nội dung và phương pháp thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự

Thứ nhất, nâng cao chất lượng khởi tố vụ án hình sự, thực hiện có hiệu quả các biện pháp thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự

Thứ hai, nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa

Thứ ba, đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo điều hành trong việc tổ chức thực hiện quyền công tố

3.2.3. Giải pháp về công tác cán bộ của Viện kiểm sát

Thứ nhất, nâng cao trình độ năng lực, trách nhiệm nghề nghiệp và số lượng Kiểm sát viên

Thứ hai, tăng cường sự lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của lãnh đạo VKS cấp trên đối với các VKS cấp dưới.

3.2.4. Tăng cường cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện, kỹ thuật cho CQĐT, VKS trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hình sự

Việc tăng cường cơ sở vật chất cho Viện kiểm sát là đòi hỏi cấp thiết và cũng là điều kiện đề nâng cao vai trò của Viện kiểm sát nói chung và thực hành quyền công tố nói riêng.

KẾT LUẬN

Nhiệm vụ cải cách tư pháp đặt ra đối với các cơ quan tư pháp nói chung và VKS nói riêng là rất nặng nề. Từ giai đoạn tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm, khởi tố vụ án hình sự đến giai đoạn điều tra, xét xử vụ án hình sự, đòi hỏi VKS phải tăng cường hơn nữa, trách nhiệm của KSV trong hoạt động thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ và lập hồ sơ vụ án hình sự của CQĐT, khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự phải đảm bảo không để lọt tội phạm, người phạm tội, không làm oan người vô tội. Để thực hiện tốt nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đã giao cho ngành kiểm sát đòi hỏi VKS phải tiếp tục thực hiện tốt chức năng công tố theo hướng tăng cường trách nhiệm của Công tố viên trong hoạt động điều tra, truy tố, nâng cao chất lượng công tố tại phiên tòa, đảm bảo tranh tụng dân chủ với Luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác....

Đề đáp ứng yêu cầu thực hiện công cuộc cải cách tư pháp đã được Đảng đặt ra trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”; và đặc biệt ngày 02 tháng 6 năm 2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" cũng như để triển khai Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 2014 Luận văn đã làm giải quyết được một số vấn đề sau:

1. Luận văn phân tích và đưa ra khái niệm về quyền công tố và thực

hành quyền công tố giúp phân biệt hai khai niệm này trong khoa học cũng như trong thực tiễn hoạt động thực hành quyền công tố.

2. Luận văn đã so sánh, đối chiếu quyền công tố và thực hành quyền công tố ở Việt Nam với qui định của pháp luật một số nước trên thế giới. Trên cơ sở đó, tìm ra sự tương đồng cũng như những khác biệt để có thể rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam khi hoàn thiện pháp luật TTHS cũng như trong quá trình triển khai thực hành quyền công tố trong quá trình giải quyết vụ án.

3. Trên cơ sở đánh giá tổng kết kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ của ngành kiểm sát những năm qua tìm ra những thiếu sót, hạn chế để đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm thực hiện tốt hơn nữa chức năng, nhiệm vụ của VKS. Đồng thời Luận văn cũng chỉ ra một số sự bất cập giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình thực hiện cải cách tư pháp về mô hình, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của VKS từ đó đề xuất, kiến nghị đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền chỉnh sửa những quy định pháp luật chưa rõ ràng, cụ thể, chưa sát với thực tiễn để tạo mọi điều kiện cho việc thực hiện thắng lợi chức năng, nhiệm vụ mà nhà nước đã giao cho ngành kiểm sát, góp phần tích cực vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.